

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-6-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo và ông Nguyễn Đức Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu -Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về việc ly hôn, t/c nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Th**, Sinh năm 1999

Địa chỉ: KDC C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Hoàng Công Q**, Sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ cư trú hiện nay: KDC C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương (Anh Q từ nước ngoài về Việt Nam ngày 29/5/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị Th trình bày: Chị và anh Hoàng Công Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã Chí L (nay là Thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 27/11/2017. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách và quan điểm sống. Mặc dù cả hai vợ chồng và hai bên gia đình đều cố gắng khắc phục, hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn quan tâm tới nhau nữa nên tháng 10/2020 chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Q có một con chung là Hoàng Công Bảo L - Sinh ngày 25/10/2018, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai của anh Hoàng Công Q trình bày: Về quan hệ hôn nhân như chị Đỗ Thị Th đã trình bày, tuy nhiên về mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ ngày 16/7/2020, thời gian anh đang ở nước ngoài, thỉnh thoảng có gọi điện về thăm hỏi gia đình, vợ con nhưng tình cảm của chị Th dành cho anh ngày càng nhạt dần và không còn quan tâm tới nhau nữa. Mặc dù anh cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng chị Th không đồng ý nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung như chị Th trình bày, anh có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng cho con. Trường hợp chị Th không đồng ý và Tòa án quyết định cho chị Th nuôi con thì anh cũng nhất trí nhưng chị Th phải tạo điều kiện cho anh được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên anh Q không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Th và anh Q sinh sống và đăng ký kết hôn tại địa phương. Giữa anh Q và chị Th thường xảy ra xung đột, hôn nhân không có hạnh phúc. Chị Th đã dọn đồ đạc, tư trang và cùng với con về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị Th có đơn ly hôn anh Q, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị giải quyết cho chị ly hôn anh Q. Đề nghị được nuôi con chung vì hiện nay con chung còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Chị có chỗ ở, công việc ổn định với mức Th nhập từ 8-10 triệu/tháng tại Công ty TNHH Hàng tiêu dùng K Việt Nam nên đủ điều kiện nuôi con. Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Q trình bày: Chị Th cương quyết ly hôn anh cũng nhất trí. Về con chung anh đề nghị được nuôi con vì hiện nay anh đã hủy hợp đồng lao động ở nước ngoài và trở về Việt Nam sinh sống, xin việc làm tại Trung tâm nhân đạo C – Hải Dương với mức Th nhập khoảng 6.000.000đ/tháng, sau khi giải quyết xong việc ly hôn anh sẽ chính thức đi làm. Anh đã có chỗ ở ổn định, do vậy đủ điều kiện để nuôi con chung. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) và các đương sự cơ bản thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HN&GD, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức Th, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Đỗ Thị Th ly hôn anh Hoàng Công Q; Về con chung: Giao con chung là Hoàng Công Bảo L - Sinh ngày 25/10/2018 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của

chị Th không yêu cầu anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, không ai được cản trở anh Hoàng Công Q thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Th sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Hoàng Công Q có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, khi thụ lý vụ án thì anh Q đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 29/5/2022 anh Q về Việt Nam và tại phiên tòa các đương sự đều có mặt, do vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Th và anh Hoàng Công Q kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã C (nay là Thành phố C), tỉnh Hải Dương ngày 27/11/2017 là hôn nhân hợp pháp. Đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính cách, quan điểm sống khác nhau. Mặc dù cả hai vợ chồng và hai bên gia đình đều cố gắng khắc phục, hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 10/2020 chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Chị Th và anh Q đều nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy hôn nhân giữa chị Th và anh Q không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận xử công nhận Thận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Th và anh Hoàng Công Q là phù hợp quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Th và anh Q có một con chung là Hoàng Công Bảo L - Sinh ngày 25/10/2018 hiện đang sinh sống cùng chị Th. Tại phiên tòa anh Q cung cấp chứng cứ là mức Th nhập hàng tháng khi đang ở nước ngoài, nay anh về Việt Nam làm việc và có chỗ ở ổn định, còn chị Th thân chị Th cũng có chỗ ở ổn định, có công việc và Th nhập tại Công ty TNHH Hàng tiêu dùng K Việt Nam khoảng từ 8.000.000đ – 9.000.000đ/tháng nên các đương sự đủ điều kiện trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, do vậy, cần giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng cho con. Không ai được cản trở anh Hoàng Công Q thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Như vậy là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu có căn cứ cho rằng chị Th không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh Q có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận Thận tình ly hôn giữa chị **Đỗ Thị Th** và anh **Hoàng Công Q.**

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho chị Đỗ Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hoàng Công Bảo L - Sinh ngày 25/10/2018 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị Th không yêu cầu anh Hoàng Công Q phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở anh Hoàng Công Q thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Th phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai Th tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000074 ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

-VKSND tỉnh Hải Dương;

-Cục T.H.A DS tỉnh Hải Dương;

-UBND phường C, thành phố C
(để ghi sổ hộ tịch);

-Các đương sự

-Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

NGUYỄN MINH TÂN